

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý theo theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến,  
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2021  
của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy định này quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn đến năm 2030.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý xây dựng, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn đến năm 2030.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch của tỉnh, huyện quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung các đồ án quy hoạch trên địa bàn.

**Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch**

1. Ranh giới quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch trên là toàn bộ địa giới hành chính xã Hợp Tiến, bao gồm 05 thôn. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Hợp Thắng;
- Phía Nam giáp xã Triệu Thành;
- Phía Tây giáp xã Hợp Lý và xã Cán Khê huyện Như Thanh;
- Phía Đông giáp xã Hợp Thành.

2. Quy mô:

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng là 3.557 người; dự báo đến năm 2025 là 3.755 người, đến năm 2030 là 3.979 người.

- Quy mô đất đai: 668,84ha.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư: Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu:**

1. Khu vực cải tạo:

- Về sử dụng đất:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở:  $\geq 25m^2/người$ ;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ:  $\geq 5m^2/người$ ;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5m^2/người$ ;
- + Cây xanh công cộng:  $\geq 2m^2/người$ .

- Về kiến trúc công trình:

- + Chiều cao tối đa: 1 – 3 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 60%

## 2. Khu vực xây mới:

- Về sử dụng đất:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở:  $\geq 25m^2/người$ ;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ:  $\geq 5m^2/người$ ;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5m^2/người$ ;
- + Cây xanh công cộng:  $\geq 2m^2/người$ .

- Về kiến trúc công trình:

- + Chiều cao tối đa: 1 – 3 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 80%.

## **Điều 4: Khu vực xây dựng công trình công cộng**

### 1. Trụ sở UBND xã

Quy hoạch xây dựng mới Trụ sở UBND xã tại khu đất của trường THCS với diện tích khu đất 0,61ha (trường chuyển sang vị trí mới do chưa đủ diện tích đạt chuẩn quốc gia). Mật độ xây dựng 40% khu đất, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

### 2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa xã: trong khuôn viên Trụ sở UBND xã mới

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn 2, diện tích 7.145,8 m<sup>2</sup> (Ô đất ký hiệu DTT03).

### 3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn

a) Nhà văn hóa thôn

Bố trí quỹ đất xây dựng mới các nhà văn hóa:

+ Nhà văn hóa thôn 1 tại khu vực Đồng Tủ với diện tích khuôn viên 0,22ha. (Ô đất ký hiệu NVH01);

+ Nhà văn hóa thôn 2 tại khu vực Đồng Xa Hán với diện tích khuôn viên 0,05ha. (Ô đất ký hiệu NVH02);

+ Nhà văn hóa thôn 3 tại khu vực Đồng Thùng với diện tích khuôn viên 0,20ha. (Ô đất ký hiệu NVH03);

+ Nhà văn hóa thôn 4 tại khu vực Đồi lâm nghiệp với diện tích khuôn viên 0,21ha. (Ô đất ký hiệu NVH04);

+ Nhà văn hóa thôn 5 tại khu vực Đồng Đình với diện tích khuôn viên 0,10ha. (Ô đất ký hiệu NVH04).

- Mật độ xây dựng các nhà văn hóa là 40%. Tầng cao 1 -3 tầng.

b) Sân thể thao thôn

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Giữ nguyên vị trí, diện tích sân thể thao thôn 1, diện tích 645,9m<sup>2</sup> (Ô đất ký hiệu DTT01); Sân thể thao thôn 2, diện tích 1.189,4 m<sup>2</sup> (Ô đất ký hiệu DTT02); Sân thể thao thôn 4, diện tích 5.032,2 m<sup>2</sup> (Ô đất ký hiệu DTT03).

4. Công trình y tế

Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng tại thôn 2. Với diện tích 5.718,0 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng ( Ô đất ký hiệu YT01).

5. Công trình giáo dục

a) Trường Mầm non: Giữ nguyên ở vị trí tại thôn 2, diện tích khu đất: 3.008,8 m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng công trình 40%, tầng cao 1-2 tầng (Ô đất ký hiệu DGT01).

b) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở: giữ nguyên vị trí trường Tiểu học và THCS tại vị trí thôn 2, đồng thời mở rộng khuôn viên với diện tích 0,41ha, mật độ xây dựng công trình 45%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGT02).

c) Trường THPT Triệu Sơn 3: giữ nguyên vị trí và mở rộng thêm diện tích 0,78ha để làm khu vực giáo dục thể chất cho trường Trung học phổ thông Triệu Sơn 3, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -2 (Ô đất ký hiệu DGT03).

6. Điểm bưu điện văn hóa xã

Được giữ nguyên vị trí tại thôn 2 với diện tích 400 m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DBV01).

7. Công trình an ninh

Quy hoạch xây dựng trụ sở công an với diện tích 2.200 m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1- 3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN01).

8. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã

Mở mới nhà trực trung đội dân quân cơ động xã nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã cũ với diện tích là 0,14ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

**Điều 5. Đất sản xuất**

1. Khu sản xuất nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt: Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (cánh đồng mẫu lớn).

b) Ngành chăn nuôi:

- Trang trại khu vực đồng Lò Ngói, thôn 1 với diện tích 2,04ha (Ô đất ký hiệu NKH01);

- Trang trại khu vực đồng Rùa Cao, thôn 1 với diện tích 1,07ha (Ô đất ký

hiệu NKH02);

- Trang trại khu vực đồng Cầu Vàng, thôn 2 với diện tích 0,98ha (Ô đất ký hiệu NKH03);

- Trang trại khu vực đồi Ải Rẻ, thôn 4 với diện tích 1,75ha (Ô đất ký hiệu NKH04);

- Trang trại khu vực đồng Lón, thôn 4 với diện tích 2,17ha (Ô đất ký hiệu NKH05);

- Trang trại khu vực đồng Tầm, thôn 4 với diện tích 3,50ha (Ô đất ký hiệu NKH06);

- Trang trại khu vực đồng Nhà Lò, thôn 3 với diện tích 2,83ha (Ô đất ký hiệu NKH07).

c) Ngành thủy sản: Bố trí diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã khoảng 15 ha (giữ nguyên diện tích ao, hồ hiện có).

#### 2) Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Bố trí 04 khu tiểu thủ công nghiệp, để đáp ứng phát triển các nghề, như: Cơ khí ô tô, nghề mộc, vật liệu xây dựng, cây cảnh... Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 với diện tích 33,46ha. Cụ thể:

- Khu tiểu thủ công nghiệp tại đồng Bái Mài, Đồng Cây Sung, thôn 1 với diện tích 5,0ha (Ô đất ký hiệu SKC01);

- Khu sản xuất kinh doanh tại đồng Thùng, thôn 3 với diện tích 21,70ha (Ô đất ký hiệu SKC02);

- Khu sản xuất kinh doanh tại Khu vực thôn 3 (giáp TL 514) với diện tích 5,60ha (Ô đất ký hiệu SKC03);

- Khu sản xuất kinh doanh thôn 5 (giáp xã Hợp Thành) với diện tích 1,16ha (Ô đất ký hiệu SKC04).

#### 3. Khu vực dịch vụ - thương mại

- Quy hoạch nơi làm việc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn 3, khu vực Đồng Thùng với diện tích là 0,70ha (Ô đất ký hiệu TMD01), mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

- Khu thương mại dịch vụ thôn 2, giáp TL 506 với diện tích 4,08ha (Ô đất ký hiệu TMD02), mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

#### 4. Khu vực có khả năng phát triển

- Khu vực thôn 2 gần trụ sở ủy ban (khu vực trung tâm xã).

- Khu vực ven đường Tỉnh lộ 514, thôn 3 khu vực đồng Thùng được quy hoạch, gồm: Khu tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đất dân cư mới phát triển...

- Khu vực tại thôn 1, thôn 2, 5: tổ chức các khu dân cư mới tập trung phục vụ nhu cầu về nhà ở đến năm 2030 cho nhân dân trên địa bàn xã.

#### **Điều 6. Đất cây xanh**

Mật độ cây xanh phân bố ở các khu vực dân cư nông thôn xóm, làng và tương đối đồng đều. Trong những năm tới xã bố trí quy hoạch công viên cây

xanh công cộng nhỏ, lẻ và Diện tích cây xanh được phát triển chủ yếu đi kèm với các khuôn viên trong các công trình công cộng, hai bên đường giao thông các tuyến, trục chính, trong xóm, làng, vườn hộ gia đình.

### **Điều 7. Khu vực cấm xây dựng.**

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

### **Điều 8. Các khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng.**

1. Tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển – an ninh, quốc phòng).

2. Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng.

### **Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật.**

1. Quản lý đường giao thông nông thôn

a) Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

- Hệ thống giao thông đối ngoại:

+ Đường TL.514 qua xã với chiều dài 1,57km; Lộ giới 26,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông (7,0mx2)..

+ Đường TL.514B qua xã với chiều dài 2,36km; Lộ giới 42,0m, nền đường 26,0m, hành lang giao thông (15,0mx2).

+ Đường TL.506 chạy qua xã với chiều dài 2,05km; Lộ giới 80,0m, nền đường 41,0m (mặt đường 11mx2=22m, dải phân cách giữa 18,0m, lề đường 0,5mx2=1,0m), taluy đường + rãnh thoát nước 3,0mx2=6,0m, đường gom 6,5mx2=13,0m, hành lang đường + taluy đường gom 10,0mx2=20,0m.

+ Đường huyện ĐH-TS.08 chạy qua xã với chiều dài 3,2km; nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m, lề đường 1,5mx2=3,0m.

+ Đường xã: gồm 03 tuyến, với tổng chiều dài là 5,74km; Ký hiệu từ ĐTX-HT.01 - ĐTX-HT.03. Lộ giới (14,5÷20,5m), nền đường là (6,5÷10,5m).

- Hệ thống giao thông đối nội: Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

+ Tuyến đường trục thôn: gồm 13 tuyến, với tổng chiều dài 10,25km, Ký hiệu từ ĐTT-HT.01 - ĐTT-HT.13. Lộ giới từ 5,0m÷17,5m, trong đó mặt đường từ 3,5m÷7,5m.

+ Tuyến đường ngõ xóm: gồm 37 tuyến, với tổng chiều dài 20,0km, ký hiệu ĐNX-HT.01 - ĐNX-HT.37. Lộ giới là 5,0m÷7,0m, mặt đường là 3,5m÷5,0m.

+ Tuyến đường nội đồng: gồm 40 tuyến, với tổng chiều dài 10,79km, Ô đất ký hiệu ĐNĐ-HT.01 - ĐNĐ-HT.40; chiều rộng nền đường 3,0m, mặt đường 2,5m.

#### b) Quy định quản lý

- Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường giao thông trên địa bàn xã.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý đường giao thông trên địa bàn xã mình quản lý theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

- Đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân, hộ gia đình khi sử dụng hè đường vào mục đích riêng, phải được đồng ý của UBND xã và phải đảm bảo các điều kiện:

+ Không gây ảnh hưởng tới người đi bộ, tầm nhìn giao thông.

+ Không làm hư hại đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

+ Vệ sinh môi trường rác thải thường xuyên, không để đất, đá, rác thải xây dựng rơi vãi trên đường.

+ Các trường hợp phải mở lối để chở vật liệu xây dựng công trình, san tạo đào, đắp mặt bằng và chở đất đá đổ đi phải đảm bảo VSMT thường xuyên.

#### 2. Quản lý cao độ nền và thoát nước mặt

##### a) Cao độ nền và hệ thống thoát nước mặt

- Công tác thủy lợi: Với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn, nước không bị tù, ú đọng hoặc không bị ngập lụt gây thất thoát và phá hoại mùa màng. Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông nghiệp của địa phương.

+ Hệ thống hồ, đập: Cải tạo Hồ Long Hưng; Hồ Đồng Lầy, Hồ Vạn Thắng

+ Cầu, cống: Quy hoạch nâng cấp 06 qua đường giao thông nông thôn và 13 các cống qua đường giao thông nội đồng.

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp. Đối với các khu sản xuất nông nghiệp giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp.

### b) Quy định quản lý

- Với mạng lưới thoát nước chung cho thoát nước mưa và thoát nước thải, nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

- Đối với khu vực là vùng nông thôn, việc san nền và thoát nước chủ yếu dựa vào các hướng thoát tự nhiên, là sông ngòi, kênh rạch hoặc tự thoát ra ao hồ, ruộng...

- Các tuyến thoát nước mưa được xây bằng mương xây đập nắp đập, chạy dọc theo các khu vực dân cư, trực đường chính thoát theo hướng dốc tự nhiên cho các vùng có khu dân cư hoặc trung tâm xã. Các đường nhỏ nằm ngoài khu dân cư dẫn nước tới những vị trí thoát nước tự nhiên được làm là dạng mương hở thoát nước mặt, phù hợp với điều kiện của khu vực nông thôn. Còn lại các khu dân cư sẽ sử dụng công BTCT thu gom nước trước khi đổ ra kênh rạch.

## 3. Quản lý cấp nước

### a) Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Hợp Thành. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính  $\geq D100$  mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

### b) Quy định quản lý

Cấp nước: Đảm bảo cung cấp nước đầy đủ và đúng tiêu chuẩn quy định. Khoảng cách ly bảo vệ các công trình trong hệ thống cấp nước, quy định khoảng cách an toàn theo chiều ngang đến các công trình xây dựng khác là 2m, khoảng cách an toàn theo chiều đứng và chiều ngang đến công thoát nước thải sinh hoạt và đường dây điện hay thông tin liên lạc đặt ngầm là 1m.

## 4. Quản lý cấp điện

### a) Hệ thống cấp điện

Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất trạm biến áp số 1, số 4, số 5 từ 250KVA lên 320KVA; Nâng cấp trạm biến áp số 2 và số 3 từ công suất 180KVA lên 320KVA. Tổng công suất của các trạm biến áp sau nâng cấp là 1.600KVA, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

### b) Quy định quản lý

- Hành lang an toàn lưới điện: hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây ở trạng thái tĩnh là 1,5m đối với dây bọc và 3m đối với dây trần.

- Trạm biến áp:

+ Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m.

+ Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

- Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40-50m, khoảng cách từ chân cột đến công trình xây dựng khác là 5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 5m.

## 5. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

### a) Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Hợp Tiến sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

+ Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

+ Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hệ thống rác thải:

+ Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại khu vực Đồng Đập, Đồng Bạt thôn 4, với diện tích 2,05ha (Ô đất ký hiệu DAR01).

+ Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

- Quy hoạch nghĩa trang.

+ Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường (Ô đất ký hiệu từ NTD01-NTD09).

+ Trong giai đoạn dài hạn: quy hoạch 3 nghĩa trang tập trung:

+ Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa Biền Sành thôn 1, tại khu vực Đồng Rùa Cao với diện tích 0,15ha.

+ Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa Ao Chu thôn 3, tại khu vực đồng Nhà Lò, với diện tích 0,33ha.

+ Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa Cồn Rế thôn 5, tại khu vực Đồi Lâm Nghiệp, với diện tích 0,22ha.

+ Mở rộng nghĩa trang nghĩa địa Đồng Lầy thôn 5, tại khu vực Đồng Đình, với diện tích 0,27ha.

b) Quy định quản lý môi trường

- Quản lý thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung cho trung tâm xã. Sử dụng hệ thống thoát nước chung, bố trí hệ thống cống BTCT hoạt động theo chế độ tự chảy, nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát vào hệ thống nước chung, xả ra kênh mương gần nhất.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn được xử lý bằng bể Bioga, hồ sinh học. Chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

+ Hệ thống thoát nước thải của cụm tiểu thủ công nghiệp có hệ thống thoát nước riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN.

- Công trình vệ sinh: Vận động nhân dân 100% số hộ xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn và có đường ống dẫn nước bẩn riêng. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm tạo cho người dân có ý thức cao về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn: Bố trí điểm tập trung CTR cho toàn xã tại khu vực Đồng Giếng thôn 9, với diện tích 1,25ha. Sau đó vẫn chuyển đến bãi rác tập trung để xử lý.

+ Đến năm 2025: 0,8kg/người/ngày; chỉ tiêu thu gom 70%.

+ Đến năm 2030: 1,0kg/người/ngày; chỉ tiêu thu gom 80%.

- Nghĩa trang: Trong giai đoạn trước mắt, chôn cất tại một số khu nghĩa địa tập trung tại các thôn hiện có, hạn chế mở rộng nhưng vẫn đảm bảo quy mô phục vụ. Giai đoạn dài hạn, cần quy hoạch tập trung thành các khu lớn, để đảm bảo vệ sinh môi trường: Mở rộng nghĩa địa Biển Sành thôn 1, tại khu vực Đồng Rùa Cao với diện tích 0,15ha; Mở rộng nghĩa địa Ao Chu thôn 3, tại khu vực đồng Nhà Lò, với diện tích 0,33ha; Mở rộng nghĩa địa Cồn Rế thôn 5, tại khu vực Đồi Lâm Nghiệp, với diện tích 0,22ha; Mở rộng nghĩa trang Đồng Lầy thôn 5, tại khu vực Đồng Đình, với diện tích 0,27ha. Xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong khu vực nghĩa trang cần trồng cây xanh có đường đi, mộ xây thành hàng lối, có bộ phận quản lý.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 10. Phân công thực hiện

#### 1. Trách nhiệm của UBND xã Hợp Tiến:

- Tổ chức công bố công khai quy định quản lý theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng

thời, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành cấp huyện quản lý việc thực hiện Quy định này, quản lý chặt chẽ quỹ đất trên địa bàn.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần được hướng dẫn hoặc cần được bổ sung, điều chỉnh UBND xã Hợp Tiến tổng hợp, báo cáo về UBND huyện để được hướng dẫn triển khai hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã Hợp Tiến phải thực hiện theo Quy định này.

**Điều 11.** Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 12.** Các cơ quan quản lý có trách nhiệm căn cứ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được phê duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn thực hiện triển khai các bước tiếp theo.

**Điều 13.** Quy định này và Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được ban hành, lưu trữ tại các cơ quan có liên quan và phổ biến để nhân dân được biết, thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**